TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Phan Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé M, sinh năm 1985; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Kim H, sinh năm 1983; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Bé M trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh H có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau. Ngày 31-3-2003, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có nói tiếng nói chung. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 cháu: Bùi Trần K, sinh năm 2003; do cháu Chi đã trường thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Minh H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị M.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh H. Về con chung: Bùi Trần K, sinh năm 2003, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Bé M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Minh H, địa chỉ: ấp P, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị M, anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành

xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M, anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị M, thấy rằng: Quá trình chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có nói tiếng nói chung. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị M. Xét thấy, tình cảm giữa chị M, anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị M được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Có 01 cháu: Bùi Trần K, sinh năm 2003. Do cháu Chi đã trường thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Bé M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bé M đối với anh Bùi Kim H. Chị M được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Có 01 cháu: Bùi Trần K, sinh năm 2003. Cháu Chi đã trường thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị M, anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bé M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025459 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận chị M đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Nguyện